

Số: 118/2020/QĐST-HNGĐ

K, ngày 12 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 131/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 7 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: **Chị Lý Thị Ý N**, sinh năm: 1998. Địa chỉ: ấp Tà Xăng, xã Dương Hòa, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: **Anh Trịnh Văn H**, sinh năm: 1996. Địa chỉ: ấp Núi Trầu, xã Hòa Điền, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lý Thị Ý N và anh Trịnh Văn H.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Lý Thị Ý N và anh Trịnh Văn H chung sống với nhau, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Điền, huyện K, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2017. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh Nều mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N, anh H đã thuận tình ly hôn và Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị.

Về con chung: Chị N và anh H có 01 người con chung tên Trịnh Khánh Đ, sinh năm: 2014. Ghi nhận việc thỏa thuận của anh, chị về việc giao cháu Đ cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Anh, chị trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Anh, chị trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lý Thị Ý N về việc chịu toàn bộ số tiền án phí hôn nhân và gia đình là 150.000 đồng. Sau khi đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0000204 ngày 06/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, số tiền còn thừa chị N được nhận lại là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện K;
- UBND xã Hòa Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Pho